

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP**  
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN**

**Khóa thi: ngày 17/01/2021**

*(theo quyết định số: 04/QĐ/TTNNTH, ngày 20 tháng 01 năm 2021)*

| TT | SBD      | Họ và tên             | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc | Lý thuyết | Thực hành | Đánh giá |
|----|----------|-----------------------|------------|------------|-----------|---------|-----------|-----------|----------|
| 1  | 21CB1849 | Huỳnh Cư              | 26/12/1964 | Quảng Nam  | Nam       | Kinh    | 10.0      | 8.0       | Đạt      |
| 2  | 21CB1850 | Đoàn Thị Kim Cúc      | 01/01/1986 | Quảng Nam  | Nữ        | Kinh    | 9.7       | 8.5       | Đạt      |
| 3  | 21CB1851 | Bùi Thị Thuỳ Dung     | 10/09/1988 | Quảng Nam  | Nữ        | Kinh    | 9.0       | 8.5       | Đạt      |
| 4  | 21CB1852 | Đặng Thị Thuý Hằng    | 29/02/1980 | Quảng Nam  | Nữ        | Kinh    | 5.0       | 7.5       | Đạt      |
| 5  | 21CB1853 | Hồ Văn Hát            | 04/06/1996 | Quảng Nam  | Nam       | Xơđăng  | 5.0       | 5.0       | Đạt      |
| 6  | 21CB1854 | Nguyễn Thị Minh Hiếu  | 10/11/1982 | Quảng Nam  | Nữ        | Kinh    | 7.3       | 8.5       | Đạt      |
| 7  | 21CB1855 | Trần Thị Thanh Hoa    | 04/07/1985 | Quảng Nam  | Nữ        | Kinh    | 8.0       | 5.0       | Đạt      |
| 8  | 21CB1856 | Hoàng Thị Huệ         | 10/04/1984 | Quảng Nam  | Nữ        | Kinh    | 6.3       | 7.0       | Đạt      |
| 9  | 21CB1857 | Đỗ Văn Hùng           | 29/06/1981 | Quảng Nam  | Nam       | Kinh    | 5.0       | 7.0       | Đạt      |
| 10 | 21CB1858 | Đoàn Thị Hiếu Kim     | 01/01/1999 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 5.0       | 6.0       | Đạt      |
| 11 | 21CB1859 | Nguyễn Văn Kỳ         | 30/10/1983 | Quảng Nam  | Nam       | Kinh    | 5.7       | 8.0       | Đạt      |
| 12 | 21CB1860 | Nguyễn Thị Lâm        | 24/01/1959 | Quảng Nam  | Nữ        | Kinh    | 5.0       | 5.0       | Đạt      |
| 13 | 21CB1861 | Trần Thị Bích Liên    | 15/12/1982 | Quảng Nam  | Nữ        | Kinh    | 6.7       | 7.5       | Đạt      |
| 14 | 21CB1862 | Trần Văn Lợi          | 21/11/1994 | Quảng Nam  | Nam       | Kinh    | 6.0       | 8.0       | Đạt      |
| 15 | 21CB1863 | Trần Long             | 10/07/1978 | Quảng Nam  | Nam       | Kinh    | 6.3       | 9.0       | Đạt      |
| 16 | 21CB1864 | Phạm Thị Mỹ           | 02/04/1971 | Quảng Nam  | Nữ        | Kinh    | 5.7       | 7.5       | Đạt      |
| 17 | 21CB1865 | Cù Duy Nam            | 01/01/1983 | Quảng Nam  | Nam       | Kinh    | 6.3       | 8.5       | Đạt      |
| 18 | 21CB1866 | Hoàng Văn Nga         | 15/02/1983 | Quảng Nam  | Nam       | Kinh    | 7.0       | 5.5       | Đạt      |
| 19 | 21CB1867 | Nguyễn Ngọc           | 01/07/1986 | Quảng Nam  | Nam       | Kinh    | 6.3       | 9.0       | Đạt      |
| 20 | 21CB1868 | Lương Thị Hồng Nguyên | 13/02/1985 | Quảng Nam  | Nữ        | Kinh    | 8.3       | 8.0       | Đạt      |
| 21 | 21CB1869 | Đỗ Hải Nhi            | 04/04/1991 | Quảng Nam  | Nam       | Kinh    | 5.0       | 8.0       | Đạt      |
| 22 | 21CB1870 | Trần Văn Pháp         | 18/10/1995 | Quảng Nam  | Nam       | Kinh    | 7.7       | 8.0       | Đạt      |
| 23 | 21CB1871 | Nguyễn Tấn Phát       | 13/05/1965 | Quảng Nam  | Nam       | Kinh    | 5.0       | 7.0       | Đạt      |
| 24 | 21CB1872 | Hồ Thiện Phước        | 01/01/1998 | Quảng Nam  | Nam       | Kinh    | 8.0       | 7.5       | Đạt      |
| 25 | 21CB1873 | Cao Văn Phương        | 15/07/1974 | Quảng Nam  | Nam       | Kinh    | 6.3       | 8.5       | Đạt      |
| 26 | 21CB1874 | Nguyễn Thị Kim Phượng | 13/03/1981 | Quảng Nam  | Nữ        | Kinh    | 8.3       | 8.5       | Đạt      |
| 27 | 21CB1875 | Hồ Thanh Quý          | 19/05/1984 | Quảng Nam  | Nam       | Kinh    | 5.0       | 9.0       | Đạt      |
| 28 | 21CB1876 | Nguyễn Thị Sương      | 22/02/1991 | Quảng Nam  | Nữ        | Kinh    | 6.3       | 7.0       | Đạt      |

| TT | SBD      | Họ và tên           | Ngày sinh  | Nơi sinh  | Giới tính | Dân tộc | Lý thuyết | Thực hành | Đánh giá |
|----|----------|---------------------|------------|-----------|-----------|---------|-----------|-----------|----------|
| 29 | 21CB1877 | Hà Thị Tài          | 01/01/1985 | Quảng Nam | Nữ        | Kinh    | 8.3       | 8.5       | Đạt      |
| 30 | 21CB1878 | Bùi Thị Minh Thắng  | 19/12/1974 | Quảng Nam | Nữ        | Kinh    | 6.7       | 7.5       | Đạt      |
| 31 | 21CB1879 | Trần Văn Thắng      | 09/09/1991 | Quảng Nam | Nam       | Kinh    | 7.3       | 8.5       | Đạt      |
| 32 | 21CB1880 | Nguyễn Hữu Thanh    | 20/05/1972 | Quảng Nam | Nam       | Kinh    | 8.0       | 5.5       | Đạt      |
| 33 | 21CB1881 | Hồ Văn Thảo         | 30/04/1995 | Quảng Nam | Nam       | Cadong  | 5.0       | 6.5       | Đạt      |
| 34 | 21CB1884 | Hồ Thị Thu          | 20/07/1988 | Quảng Nam | Nữ        | Kadong  | 5.0       | 7.5       | Đạt      |
| 35 | 21CB1885 | Đoàn Thị Thương     | 07/03/1984 | Quảng Nam | Nữ        | Kinh    | 5.0       | 6.5       | Đạt      |
| 36 | 21CB1886 | Nguyễn Thị Trang    | 12/07/1992 | Quảng Nam | Nữ        | Kinh    | 6.7       | 7.5       | Đạt      |
| 37 | 21CB1887 | Nguyễn Thị Mỹ Trang | 22/08/1983 | Quảng Nam | Nữ        | Kinh    | 7.0       | 8.0       | Đạt      |
| 38 | 21CB1888 | Hoàng Thị Thu Trang | 10/01/1989 | Quảng Nam | Nữ        | Kinh    | 9.3       | 8.5       | Đạt      |
| 39 | 21CB1889 | Nguyễn Trung Trực   | 01/01/1991 | Quảng Nam | Nam       | Kinh    | 7.7       | 7.5       | Đạt      |
| 40 | 21CB1890 | Đặng Công Tú        | 05/03/1970 | Quảng Nam | Nam       | Kinh    | 6.3       | 7.5       | Đạt      |
| 41 | 21CB1891 | Huỳnh Văn Tuấn      | 08/02/1982 | Quảng Nam | Nam       | Kinh    | 5.0       | 8.0       | Đạt      |
| 42 | 21CB1892 | Bùi Anh Tuấn        | 19/05/1986 | Quảng Nam | Nam       | Kinh    | 8.0       | 9.0       | Đạt      |
| 43 | 21CB1893 | Nguyễn Ngọc Tuấn    | 21/05/1992 | Quảng Nam | Nam       | Kinh    | 9.3       | 9.0       | Đạt      |
| 44 | 21CB1894 | Nguyễn Thị Uyên     | 15/09/1987 | Quảng Nam | Nữ        | Kinh    | 8.7       | 9.0       | Đạt      |
| 45 | 21CB1895 | Nguyễn Thị Thu Vân  | 07/09/1982 | Quảng Nam | Nữ        | Kinh    | 7.3       | 8.5       | Đạt      |
| 46 | 21CB1896 | Đặng Thị Vân        | 24/10/1992 | Quảng Nam | Nữ        | Kinh    | 5.0       | 7.0       | Đạt      |
| 47 | 21CB1897 | Lê Bảo Hoài Vũ      | 28/07/1977 | Quảng Nam | Nam       | Kinh    | 5.0       | 5.5       | Đạt      |
| 48 | 21CB1912 | Nguyễn Thị Bích Chi | 11/06/1993 | Đăk Lăk   | Nữ        | Kinh    | 9.7       | 9.0       | Đạt      |
| 49 | 21CB1913 | Trần Hồng Phúc      | 10/01/1993 | Quảng Nam | Nam       | Kinh    | 9.3       | 9.0       | Đạt      |

Danh sách này có: 49(thí sinh)